

Số: /KH-SNV

Quảng Bình, ngày tháng 01 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số năm 2024 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình**

**Phần I**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023**

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đề ra tại Kế hoạch số 2129/KH-SNV ngày 24/11/2022 của Sở Nội vụ về chuyển đổi số năm 2023:

Mục tiêu/ Chỉ tiêu	Đề ra năm 2023	Kết quả thực hiện	Đánh giá
- Thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	100%	100%	Đạt
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh của từng DVCTT (toàn trình và một phần)	30%	90,9%	Vượt
- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại cơ quan	99%	100%	Vượt
- Chỉ tiêu chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	95%	100%	Vượt
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được phổ biến và tích hợp lên Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia	100%	100%	Đạt
- Hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công	100%	100%	Đạt
- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công được đánh giá trên Cổng dịch vụ công	90%	97,7%	Vượt

## II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

### 1. Nhận thức số

Năm 2023 với chủ đề là Năm dữ liệu số Quốc gia, Sở đã lồng ghép tuyên truyền đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động về Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10, ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với cuộc sống và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; làm cho công chức, viên chức, người lao động nhận thức rõ vai trò trung tâm và huy động sự tham gia của toàn dân trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia

Những nội dung thông tin, tuyên truyền gồm: Chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác chuyển đổi số và Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10; tuyên truyền những mô hình hay, việc làm thiết thực của cơ quan, đơn vị về chuyển đổi số, gắn với những kết quả cụ thể của cơ quan, đơn vị, nhất là trong công tác cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển kinh tế - xã hội.

Tham gia các sự kiện chào mừng ngày Chuyển đổi số Quốc gia và Ngày chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2023: Hội thảo An toàn thông tin trong Chuyển đổi số (05/10) của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh; Hội thảo khoa học về ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, cung cấp thông tin cho báo chí (03/10), tập huấn và triển khai diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn, an ninh mạng năm 2023 (09-10/10) do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức...

### 2. Thể chế số

Thực hiện Kế hoạch số 2328/KH-UBND ngày 06/12/2022 của UBND tỉnh về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2023, Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Sở đã ban hành một số văn bản triển khai thực hiện:

- Kế hoạch số 2129/KH-SNV ngày 24/11/2022 về chuyển đổi số năm 2023 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình;

- Kế hoạch số 236/KH-SNV ngày 15/02/2023 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Nội vụ năm 2023;

- Kế hoạch số 691/KH-SNV ngày 21/4/2023 thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia năm 2023 tại Sở Nội vụ;

- Công văn số 729/SNV-VP ngày 26/4/2023 đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ triển khai Đề án 06;

- Công văn số 831/SNV-VP ngày 15/5/2023 về việc tăng cường thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng;
- Các báo cáo về chuyển đổi số, báo cáo thực hiện Đề án 06...

### **3. Nhân lực số**

Tổ Chỉ đạo Chuyển đổi số Sở Nội vụ gồm 12 đồng chí, do đồng chí Giám đốc Sở làm Tổ trưởng, các thành viên thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công theo tại Thông báo số 2013/TB-SNV ngày 09/11/2022.

Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số gắn với cải cách hành chính, công vụ cho đội ngũ công chức, viên chức phụ trách lĩnh vực chuyển đổi số.

### **4. Hạ tầng số**

Đã thực hiện rà soát, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống mạng... Tuy nhiên, do kinh phí hạn chế nên việc đầu tư cơ sở vật chất còn nhỏ lẻ, chưa đồng bộ.

### **5. Chính quyền số**

56/56 TTHC cấp tỉnh đủ điều kiện được cung cấp bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ DVCTT được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 100% (56/56 DVCTT).

Tỷ lệ TTHC đã tích hợp thanh toán trực tuyến 100% (02/02 TTHC); tỷ lệ thanh toán trực tuyến là 8,3% (02/24 hồ sơ).

Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt tỷ lệ 98% (398/406 hồ sơ). Kết quả số hóa hồ sơ, giải quyết TTHC đã được trả về Kho dữ liệu của công dân trên Cổng dịch vụ công của tỉnh để công dân có thể tái sử dụng dữ liệu sau này.

Thực hiện tiếp nhận văn bản, ban hành văn bản trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH). Đến ngày 26/12/2023, Sở đã tiếp nhận 12.870 văn bản điện tử, ban hành 2853 văn bản điện tử; 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng.

100% báo cáo được cập nhật Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

Thực hiện Đề án 06: Nhiệm vụ trọng tâm của Sở Nội vụ là xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức tỉnh; đồng bộ, chia sẻ với cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý. Đến nay toàn tỉnh đã có 25.738/26.215 hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức được kết nối, chia sẻ với CSDLQG về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý (đạt tỷ lệ 98,1%).

### **6. An toàn thông tin mạng**

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm an toàn, an ninh mạng: Phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức về các mối nguy

hại của mã độc và trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống mã độc.

Thực hiện Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình, lãnh đạo Sở đã quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức tăng cường thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng trong thực hiện công vụ<sup>1</sup>.

Làm việc với Đoàn kiểm tra của Tiểu ban An toàn an ninh mạng tỉnh kiểm tra các vấn đề về an toàn, an ninh mạng tại Sở và các đơn vị trực thuộc Sở<sup>2</sup>; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông khắc phục, xử lý các vấn đề do Đoàn kiểm tra phát hiện.

## **7. Kinh phí thực hiện**

Tổng hợp kinh phí thực hiện các dự án, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Sở trong năm 2023: Phụ lục I kèm theo báo cáo<sup>3</sup>.

## **8. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Nhận thức, kiến thức về chuyển đổi số của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức vẫn còn hạn chế.

Do điều kiện ngân sách hạn chế nên việc đầu tư thay thế các thiết bị mạng, thi... còn chậm, nhiều máy tính được trang cấp cho công chức, viên chức trước đây nay đã xuống cấp, hiệu năng sử dụng thấp..., ảnh hưởng đến thời gian, chất lượng giải quyết công việc và phục vụ người dân.

Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ trực tuyến chưa cao; tỷ lệ giao dịch thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC còn thấp (của Sở là 8,3%, của tỉnh là 15%).

## **Phần II**

### **KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

1. Kế hoạch số 2394/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025;

2. Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình;

3. Kế hoạch số 1141/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh

<sup>1</sup> Công văn số 831/SNV-VP ngày 15/5/2023 về việc tăng cường thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng tại Sở.

<sup>2</sup> Phát hiện 99 lỗ hổng bảo mật có trong Hệ thống hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; 1.639 lỗ hổng bảo mật tại Hệ thống Phần mềm quản lý Thi đua - Khen thưởng tỉnh Quảng Bình.

<sup>3</sup> Theo số liệu tại Phụ lục I Kế hoạch số 2656/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh.

Quảng Bình.

4. Kế hoạch 2656/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình thực hiện chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2024.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục duy trì, phát triển và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu đã đạt được trong thời gian qua để từng bước hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, góp phần cải thiện vị trí xếp hạng chuyển đổi số của Sở Nội vụ và của tỉnh.

Xây dựng, phát triển chính quyền số toàn diện, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số để đưa hoạt động của cơ quan, đơn vị lên môi trường số, bảo đảm an toàn thông tin.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức DVCTT.

b) Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh của từng DVCTT tối thiểu 70%.

c) Tỷ lệ thanh toán trực tuyến so với hồ sơ TTHC có phí, lệ phí tối thiểu 50%.

d) Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100%.

đ) Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt 100% (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

e) 100% chỉ tiêu chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Nhận thức số**

Đẩy mạnh triển khai Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại tỉnh Quảng Bình; tăng cường phổ biến, quán triệt nhằm tạo sự chuyển biến trước hết về tư duy, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong xây dựng hạ tầng số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

### **2. Thể chế số**

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh thông qua Đề án phát triển chính quyền điện tử và dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn

2021-2025 và định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức và người dân về sự cần thiết của chuyển đổi số. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu về kết quả, hiệu quả chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị; lấy việc triển khai thực hiện chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu.

### **3. Nhân lực số**

Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số gắn với cải cách hành chính, công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh cho công chức, viên chức theo nhu cầu của các cấp, các ngành.

Bộ trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin mạng của Sở Nội vụ và các đơn vị trực thuộc.

Tăng cường thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao bổ sung vào đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước. Tranh thủ, phát huy, tận dụng tối đa sự đóng góp của các nhà khoa học, chuyên gia lĩnh vực chuyển đổi số trong xây dựng, hoạch định chương trình, kế hoạch, triển khai các đề án, dự án, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, phát triển chính quyền số, đô thị thông minh.

### **4. Hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu số**

Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin, phát triển hệ thống mạng... đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số: mua sắm máy móc, thiết bị tin học; sử dụng kết nối Internet tốc độ cao; ứng dụng kho dữ liệu, lưu trữ tập trung; sử dụng chữ ký số...

Ưu tiên phát triển dữ liệu số của cơ quan, đơn vị, trong đó ưu tiên sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, của Trung ương; khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ Bộ Nội vụ và các cơ sở dữ liệu quốc gia; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng các phần mềm đặc thù thích ứng với các phần mềm của Bộ Nội vụ.

### **5. Chính quyền số**

Thực hiện tiếp nhận, kế thừa, phát triển, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL đã được Trung ương đầu tư, xây dựng (*các CSDL về dân cư; cán bộ, công chức, viên chức...*).

Triển khai nâng cấp và triển khai ứng dụng sâu rộng phân hệ quản lý hồ sơ công việc trên Hệ thống QLVB&ĐH; hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm quản lý công tác thi đua, khen thưởng; phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính...

Tổ chức khai thác, ứng dụng Hệ thống phần mềm dùng chung Tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường của tỉnh.

## **6. An toàn thông tin mạng**

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng chống phần mềm độc hại, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam, Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Việt Nam.

Tiếp tục rà soát, hoàn thành phân loại, xác định, đề xuất, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cho các hệ thống, phần mềm: Hệ thống mạng LAN tại khối Văn phòng Sở, phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh; phần mềm Quản lý thi đua, khen thưởng; phần mềm Chấm điểm chỉ số cải cách hành chính; phần mềm Quản lý tài liệu số hóa (tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử)...

Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/ công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

**7. Danh mục các nhiệm vụ, dự án, đề án trọng tâm về chuyển đổi số:**  
Phụ lục II kèm theo Kế hoạch<sup>4</sup>.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Phòng Cải cách hành chính chủ trì tham mưu, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số gắn kết với cải cách hành chính.

2. Phòng Cán bộ, công chức, viên chức chủ trì tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của tỉnh.

<sup>4</sup> Theo số liệu tại Phụ lục III Kế hoạch số 2656/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh.

3. Văn phòng Sở chủ động tham mưu bố trí đủ kinh phí để thực hiện chuyên đổi số phù hợp với chủ trương, định hướng chung của tỉnh và thực tế tại Sở; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện; tổng hợp và tham mưu Lãnh đạo Sở báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện đúng nội dung, thời hạn.

4. Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở phổ biến Kế hoạch này đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động và triển khai thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện (qua Văn phòng Sở) để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Thế Vương**



**Phụ lục I**  
**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN MỘT SỐ DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**  
**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số \_\_\_\_\_ /KH-SNV ngày \_\_\_\_\_ / 01 /2024 của Sở Nội vụ)

STT	Tên dự án, hoạt động	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện trong năm 2023 (triệu đồng)			Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
<b>I</b>	<b>Kinh phí đầu tư công</b>			<b>1.300</b>		<b>1.300</b>	
1	Nâng cấp, triển khai nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	Sở Nội vụ	2022-2024	1.300	-	1.300	
<b>II</b>	<b>Kinh phí chi thường xuyên</b>			<b>170</b>		<b>170</b>	
1	Số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đang lưu ở dạng giấy tại Sở Nội vụ (bao gồm các đơn vị trực thuộc Sở)	Sở Nội vụ	2023	170	-	170	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.470</b>		<b>1.470</b>	

## Phụ lục II

### DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 VÀ GIAI ĐOẠN 2024-2025

(Kèm theo Kế hoạch số \_\_\_\_\_ /KH-SNV ngày \_\_\_\_\_ /01 /2024 của Sở Nội vụ)

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)		
			Tổng số	Năm 2024	Năm 2025
	<b>CÁC NHIỆM VỤ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN</b>				
1	Nâng cấp, mở rộng, xây dựng thêm chức năng phục vụ triển khai phần mềm chấm điểm chỉ số Cải cách hành chính đến các xã, phường, thị trấn	2024	1.991	1.991	-
2	Xây dựng nền tảng, cơ sở dữ liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Quảng Bình	2024-2025	6.000	3.000	3.000
3	Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số DTI của tỉnh năm 2023 và các năm tiếp theo (được phân công tại Công văn số 2351/UBND-KSTT ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh)	2024-2025	-	-	-
4	Triển khai các mô hình đẩy mạnh thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ CDS quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh (theo Kế hoạch số 179/KH-TCTTKĐA ngày 09/11/2023 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 tỉnh)	2024-2025	-	-	-
5	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 1141/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh	2024-2025	-	-	-
	<b>CÁC NHIỆM VỤ PHỐI HỢP THỰC HIỆN (Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì)</b>				
6	Triển khai ứng dụng Cổng điều hành và không gian làm việc số của tỉnh	2024	-	-	-

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)		
			Tổng số	Năm 2024	Năm 2025
7	Xây dựng, triển khai ứng dụng Công dân số tập trung của tỉnh	2024	2.500	2.500	-
8	Nâng cấp Hệ thống phần mềm Tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường của tỉnh	2024	2.000	2.000	-
9	Triển khai xây dựng học liệu, tổ chức đào tạo, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho CBCCVC-NLĐ, Tổ CNS cộng đồng và người dân trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs)	2024-2025	1.000	500	500